

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

## QUYỂN 2

### Phẩm 1: PHẨM TỰA

Gồm:

1. Giải thích “Tôi nghe như vậy, một thuở nọ v.v...”
2. Giải thích “Thành Câu-di”.
3. Giải thích “Sinh địa của lực sĩ”.
4. Giải thích sông A-lợi-la-bạt-đề.
5. Giải thích Sa-la Song Thọ.
6. Giải thích hoa Ba-la-xa.
7. Giải thích hoa Ưu-bát-la.
8. Giải thích hoa Câu-vật-đầu.
9. Giải thích hoa Phân-đà-lợi.
10. Giải thích hoa Mạn-đà-la.
11. Giải thích cây Ba-lợi-chất-đa.
12. Giải thích y Kiêu-xa-da.
13. Giải thích y Ma-từ-bạt-đa.
14. Giải thích y Ca-lăng-già.
15. Giải thích nước có tám tính chất tốt.
16. Giải thích sự im lặng chẳng nhận.
17. Giải thích năm môn quán.

### PHẨM TỰA THỨ NHẤT (Phần 1)

Xét: Kinh bản dịch cũ chép: Phẩm Tận Mạng.

Pháp sư Tăng Lượng nói: Điều các Kinh, không nói có ba ý chỉ:

1. Thường trụ.
2. Tam bảo là một thể.
3. Chúng sinh đều có Phật tánh.

Nhưng thường trụ là phần chánh tông của Kinh, hai thứ còn lại là thường, cho nên nói. Nay dùng tuổi thọ để nói lên tính chất thường,

nhằm lược nêu đại thể của Kinh.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Phần Tựa là nói về lý do. Sắp nói về chánh tông, nếu không nêu lý do, nói lại phần mở đầu, thì không lấy gì làm chứng cho sự tin tưởng. Có hai loại Tựa:

1. Hiện Tựa, cũng gọi là tựa riêng.
2. Vị lai Tựa, cũng gọi là tựa chung.

Như hiện tượng phát ra ánh sáng là nói lý do về đương thời, nên gọi là hiện Tựa. Ngoài ra vì Kinh khác nhau nên gọi là tựa riêng. “Năm chứng tín Tôi nghe như vậy...” là chỗ thỉnh của ngài A-nan, gọi là vị lai tựa. Các Kinh đều có phần ấy nên gọi là tựa chung.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Trong khuyến thỉnh nêu hỏi này gồm có bốn đoạn:

1. Phẩm hiện có.
2. Phẩm Thuần-đà: Khai mở tóm lược về tông chỉ thường hằng.
3. Phẩm Ai Thán: nói về pháp tu tập cao quý, nói rộng về lý thường, khuyến thỉnh thưa hỏi.
4. Ví dụ hai người già trẻ: Thúc giục việc nêu hỏi.

Pháp sư Trí Tú nói: Có tám việc:

1. Xưng là “Như vậy”.
2. Xưng là “Tôi nghe”.
3. Xưng là một thuở nọ.
4. Ghi về nơi chốn đang an trú.
5. Nêu cùng nghe.
6. Nêu thời gian.
7. Nói lý do nhóm chúng.
8. Nêu bày, tương dứt hóa độ.

Pháp sư Pháp An nói: Phẩm tựa có ba đoạn:

1. Đầu tiên có sáu chữ, nói lời Ngài A-nan là không luống dối.
2. Kế là nêu chỗ ở, nói bày pháp căn bản.
3. Sau, nêu chúng đương thời, nói về duyên khởi của việc nói pháp.

Trong phần Duyên khởi có chia làm ba:

1. Từ “Bấy giờ, Thế tôn và các đại Tỳ-kheo” cho đến “Trước sau vây quanh”: Nói lên việc các đệ tử thường gần gũi bên Phật.
2. Từ “Ngày 15 tháng 2” cho đến sau “Chúng chư thiên”: Ở đây nêu do âm thanh và ánh sáng mời gọi.
3. “Đại Bồ-tát Đại thân đến nhóm hợp” là do Chư Phật kia chỉ

dẫn, sai khiến, chẳng phải sự mời gọi của âm thanh, ánh sáng.

Pháp sư Tuệ Lăng nói: Phẩm này có hai đoạn:

1. Đoạn trước gọi là tựa chung.

2. Đoạn sau nói về tựa riêng.

Trong tựa riêng có sáu phần:

1. Nói về chúng sinh trong sáu đường gặp phải ba tướng nên sanh tâm lo buồn. Từ “Thần lực nhờ Phật” cho đến hết “Cho nên hỏi lại”.

2. Nêu ra việc làm của bốn chúng đệ tử xuất gia và tại gia. Từ “Bấy giờ, có vô lượng” cho đến “Ba Sông Hằng”.

3. Nêu lên các quyển thuộc đều là những giọng họ nổi tiếng. Từ “Bốn hằng sa” đến “Bảy hằng sa”.

4. Nêu vô số chúng Trời, Rồng, Quỷ thần. Từ “Tám Hằng sa” cho đến “Thần sông thiết cúng”.

5. Khu rừng có sự biến đổi hiện rõ hình tướng Niết-bàn, để nói về các quyển thuộc của các vị trời ở các tầng trời, từ bốn Thiên vương cho đến Phạm vương.

6. Nói về các quyển thuộc của Bồ-tát Vô Biên Thân.

Pháp sư Minh Tuấn nói:

Phẩm này, được chia làm hai phần. Trước là tựa chung, sau là tựa riêng. Trong phần tựa chung bao gồm năm việc:

1. Như vậy.

2. Tôi nghe.

3. Một thuở nọ.

4. Nơi chốn.

5. Người cùng nghe.

Trong phần tựa riêng cũng có năm:

1. Như vậy.

2. Tôi nghe.

3. Một thuở nọ.

4. Nơi chốn.

5. Người cùng nghe.

Trong phần việc riêng cũng có năm việc:

1. Từ “Ngày 15 tháng 12” cho đến “Sẽ hỏi lại người nào”: Nói lại ba tướng, những người lần lượt thấy nghe đều hết sức lo lắng buồn bã.

2. Từ “Lúc ấy, có vô lượng các đệ tử” cho đến hết đoạn “Các vị thần sông, bày biện sự cúng dường...” là nói riêng về bốn chúng đệ tử và chúng sinh ở các cõi nhóm hợp đồng đảo.

3. Nói về hai tướng:

4. Nói về các vị trời cùng các Bồ-tát ở các cõi khác đến nhóm họp. Từ “Bốn Thiên vương” cho đến “Trừ hạng Nhất-xiển-đề”.

5. Nói về hai tướng, từ “Bấy giờ, khắp Tam thiên Đại thiên thế giới”, cho đến hết phẩm.

Trước sau gồm có ba lần nói về tướng kỳ lạ, hợp lại có bảy thứ: Ban đầu thì âm thanh, ánh sáng làm rung chuyển cả mặt đất. Ở giữa là khu rừng biến hóa thành nhiều dãy lâu gác. Sau hết làm thay cảnh như nhớp và gom lại ánh sáng đã phát ra. Về hai lần nêu ra thời gian chúng hội nhóm họp cũng có bảy thứ lớp. Như vậy: Tức là bậc Thánh và chúng sinh trong sáu cõi.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Chữ: “Như” là từ ngữ nói về sự chẳng khác, nói sở truyền của Tôn giả A-nan không khác với điều Đức Phật nói. Chữ “Thị” nói lên điều ấy tức là Phật nói. Có hai vật tương tự nhau cũng gọi là Như, do đó nên dùng chữ ấy, là phân biệt với tương tự.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Như” văn và lý ấy, thì đều là lời Phật nói.

Pháp sư Trí Tú nói. Điều Tôn giả A-nan truyền lại không khác với lời Phật nói nên gọi là “Như”. Ngôn từ ứng với lý nên gọi là “Thị”.

Pháp sư Pháp Trí nói:

Lời A-nan tự nói là lời do miệng vàng nói ra, ý chỉ sâu xa, chẳng thể lường được. Nhưng chương, câu thì phải có trước sau, chính là từ hai chữ “Như vậy”.

Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Giải thích cũ cho rằng đó là lời chỉ thẳng, nghĩa là Kinh như thế, tôi đã từng theo Đức Phật và được nghe Ngài nói chẳng phải tự mình bịa ra.

“Tôi nghe”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: (Phần văn Kinh được viết chữ in Hoa)

Những điều được nghe từ sự gần gũi thân thuộc thì thuận, truyền lại sự nghe thì đặm lệt, vì hình thành câu trên là nói chẳng phải sai lầm.

Pháp sư Trí Tú nói: Nêu hỏi, vâng theo vừa chừng, không vượt quá sự tin tưởng của mình.

“Một thuở nọ”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Uy thần Phật che chở, lại được Tam-muội Phật giác, nên hễ thọ

nhận là thọ nhận một cách trọn vẹn, không hề bị mất mát, như vậy là đã thành câu: “Tôi nghe”.

“Phật ở thành Câu-di”:

Xét: Cũng gọi là nước Câu-thi-na-yết. Cũng gọi là thành Câu-thi-na. Pháp sư Pháp Dao nói:

Là tên vị tiên, nói lên tuổi thọ của vị tiên lâu dài. Hàm ý nhấn mạnh bệnh tật là việc thường xảy ra, bậc Chí tôn hãy thế, huống chi phàm phu.

Pháp sư Tăng Tông nói: Dựa vào nơi chốn để chứng tỏ chẳng có sai lầm.

“Nơi sinh của lực sĩ”:

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói:

Nhằm làm hiển bày tính chất tự tại của Pháp thân, gồm có năng lực của đại ngã, hàm ý ngăn dứt mọi nỗi lo âu về ngã.

“Bên bờ sông A-lợi-la-bạt-đề”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Sông này và sông Hy-liên cách nhau trăm dặm.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Sông này là nơi tạo ra loại vàng tên là vàng Diêm-phù-đàn. Nước sông trong sạch, không nước sông nào hơn nước sông này. Nhằm làm hiển bày tính chất thanh tịnh, chân thật của Pháp thân. Hàm ý giữ gìn tâm được thanh tịnh.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Sông ấy gọi là sông Kim sa. Sông sâu nước chảy xiết, dụ cho sinh tử. Kim sa thì chẳng động, dụ cho Phật tánh, qua đó nói lên trong sinh tử có Phật tánh, ở bên bờ sông, qua đó chỉ ra Niết-bàn ở ngay bờ giải thoát, giác ngộ. Lại giải thích thân ứng hiện là vô thường, dòng nước chảy là dụ cho điều ấy. Còn Pháp thân thường trụ thì cũng như chất kim sa.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Sông ấy cũng được gọi là sông Kim tuyến. Lưu lượng nước rất lớn. Được người đời giữ gìn, nay dốc phá chỗ yếu mền đó, tuy gọi là rất trong sạch, nhưng còn chỗ chứa nhóm phiền não, cần phải tu tập theo pháp vô lậu để mong đạt được sự thường tịnh.

“Trong rừng Sa-la song thọ”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Mỗi phương có hai cây, hợp thành tám cây. Cây cao khoảng năm trượng, trên chụm lại, dưới loe ra, hoa màu trắng tinh, quả như cái bình,

hương thơm, vị ngon. Nay dùng hình ảnh hai cây tươi tốt, hai cây khô héo để nói lên chánh pháp không hề nghiêng về một phía nào. Ngày trước ở đạo tràng, sự giảng nói để nhấn mạnh về một khía cạnh, do đó hình ảnh là một cây. Ngày nay, giáo pháp đã tròn đầy nên dùng hình ảnh hai cây để truyền đạt.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Khu rừng ấy tên là Kiên Cố, gió sương chẳng thể làm cho biến chuyển, bốn mùa cũng không khiến cho đổi thay, để so sánh với chất kim cương của Pháp thân, sự già, chết chẳng thể làm biến đổi. Niệm niệm không chút dời đổi, là hình tướng của đức thường, lạc. Hàm ý giữ gìn ý nghĩa của sự thường, lạc.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Sở dĩ gọi là rừng Kiên Cố, vì được bốn vị Thiên vương che chở giữ gìn, chỉ cho các pháp do Phật giảng nói thường được bốn bộ chúng bảo vệ, không bao giờ bị mất mát, hủy diệt. Ở bên bờ sông, trong khu rừng; ở trong rừng thì mọi loạn động đều dứt; gần nước thì được sạch trong, nói lên tính chất vắng lặng của Như lai đã dứt sạch mọi thứ ràng buộc.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Cũng để phá trừ sự chấp trước. Cảnh vật thuận hợp là do thời xa xưa Chư Phật đều chọn nơi này để nhập Niết-bàn. Bốn vị Thiên vương bảo vệ nghĩa là giữa gìn sự vững chắc. Nếu chẳng bị bốn thứ ma hủy hoại thì mới đúng là kiên cố.

“Bấy giờ, Đức Thế tôn và chúng đại Tỳ-kheo gồm tám mươi ức trăm ngàn vị vây quanh trước sau”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Đây là nêu lên số người cùng được nghe pháp, bốn hạng:

1. Cùng với Đức Phật có mặt đông đủ trong rừng Sa-la, không chờ sự mời gọi của ánh sáng.

2. Nhờ ba điềm lạnh hiện ra thì mới đến.

3. Tuy đã nhờ ba điềm lạnh, nhưng chưa thể tự mình thực hiện được, cho nên có sự biến đổi của khu rừng mới thôi thúc họ đến.

4. Không chờ ánh sáng mời gọi. Chư Phật thường biết rõ về thời gian, hoàn cảnh nên khiến các vị Bồ-tát cùng đến đúng lúc. Đó tức là phần một ở trước đã nêu ra: Số vị ở gần bên Phật.

Tỳ-kheo là tiếng Ấn-độ, gồm có ba nghĩa, đã được giải thích, đó là khát sĩ, phá ác và Bồ ma.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Ở đây nêu số lượng Tỳ-kheo theo Đức Phật đến nơi này trong

mười bốn ngày. Tỳ-kheo là tên gọi người xuất gia ở nước ấy. Ở đây không có tên gọi đó, nên chỉ dùng ba nghĩa để tôn xưng, như Bồ ma... Trước sau vây quanh là sự quây quần bày tỏ lòng cung kính hết mực.

Pháp sư Trí Tú nói:

Đó là do âm thanh và ánh sáng mời gọi. Vì muốn dựa vào chuẩn mực ở phần mở đầu của các Kinh khác, nên được nêu số chung, gọi riêng số lượng đang có mặt ở phía trước. Nhưng về cùng nghe thì có ba thứ:

1. Cùng nơi chốn.
2. Cùng lúc.
3. Cùng là đối tượng nghe pháp.

Lúc ấy Tôn giả A-nan đã ở bên ngoài rừng Sa-la, thì đó là thời gian khác nhau.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi:

Chữ Đại là chỉ cho các vị đã được đạo.

“Ngày 15 tháng 2 lúc Phật sắp nhập Niết-bàn”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Câu ấy sẽ được giải thích dưới đây:

Đất nước đó chỉ có ba mùa: Mùa xuân, mùa hạ và mùa đông. Tháng hai là thời gian giữa mùa xuân, có khác nhau chăng? Đông, hạ lạnh nóng, sự nghiêng lệch ấy hiện ra rất rõ. Ngày trước, nói về các pháp khổ, không, tính chất nghiêng về một phía là như thế. Nay thì hai lý đã cùng hiển bày, nên chọn lấy sự biểu lộ trung hòa.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Đó là thời gian thay đổi nối nhau giữa tươi tốt và khô héo, để nói về hai thứ pháp thân của Như lai, lìa bỏ dấu vết để trở về bản thể.

Pháp sư Trí Tú nói:

Lúc sắp nhập Niết-bàn là chỉ cho thời gian nói Kinh.

“Đức Phật dùng thần lực phát ra âm thanh lớn”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đó là sự việc có tính chất cảm ứng. Gốc là từ cảnh giới Phật. Không dùng âm thanh kêu gọi thì sự vật không thể nhận biết được.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Các Bồ-tát, Nhị thừa cũng có thần lực, nhưng không được gọi là lớn, nay nói lớn thì đó là thần lực Phật.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng:

Trong có ba hiện tượng. Lại cho là: Kể luôn sự buồn than thương tiếc thì có đến bảy hiện tượng. Âm thanh ấy không từ miệng phát ra nên

gọi là thần lực.

“Âm thanh ấy vang xa khắp nơi đến tận cõi Hữu Đỉnh”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Cái gọi là trời Sắc cứu cánh, trong cõi Vô Sắc, vì ở đó chúng sinh không có các căn nên không nói tới.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Hễ chúng sinh nào có duyên thì đều được nghe âm thanh ấy. Nói chung chỉ mới nêu lên một phần của đối tượng.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng:

Suy cứu về chỗ cùng cực của âm thanh ấy thì đúng là đã ứng hợp khắp hai mươi Hằng hà sa cõi nước. Trong phần sau nói về thực tế cho rằng: “Nay, âm thanh vang đến hai mươi Hằng hà sa cõi”, nên lấy đó làm mẫu mực. Ánh sáng, mặt đất rung chuyển cũng ứng hợp như vậy.

“Theo từng ngôn ngữ của loài chúng sinh mà bảo khắp”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Chúng sinh trong sáu đường khác nhau, tuy có sự khác nhau của vùng Sở, vùng Hạ, nhưng đều nghe như nhau mà hiểu rõ.

“Ngày hôm nay Đức Như lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri” cho đến... “Đấng Đại Giác Thế tôn sắp nhập Niết-bàn”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Nhờ giả mà làm rõ thật, mượn sự diệt để nói lên sự tồn tại.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Sở dĩ trước nêu ba đức, khiến thường nhớ nghĩ tới đức mà kính mến điều lành. Trong đã mang sẵn tâm từ bi thương xót nên bên ngoài mới bày tỏ được sự che chở. Dùng hai câu ấy thực hiện một cách bình đẳng đối với muôn vật, đã là điều chẳng phải dễ dàng. Lại đạt tới mức cao tốt xem muôn loài như con mình, càng thấy đó là việc vô cùng khó khăn, trở về nương tựa. Như con trẻ sà vào vòng tay mẹ hiền. Ngôi nhà là vật dùng để ngăn che gió sương, chỉ cho diệu lực của tâm từ bi rộng lớn, với phương tiện, dồi dào, nên khiến cho chúng sinh không còn dấy khởi phiền não.

Đấng Đại Giác Thế tôn: Là cùng nêu hai tôn hiệu để nói lên khía cạnh mau chóng, tức thì của tâm ấy.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Sắc nhập Niết-bàn: Chẳng phải là điều mà đề mục Kinh nêu lên mà là nói về cảnh giới Niết-bàn Vô dư, quá trình hóa độ chúng sinh bắt đầu từ Vườn Nai và kết thúc ở đây. Chúng sinh được nghe giáo pháp nhất thừa mà tăng thêm một sự nghi ngờ. Chỉ ở hiện tại, vào thời thứ



năm mới giảng nói về việc dứt trừ nhanh chóng tâm nghi ngờ.

Sở dĩ mười tôn hiệu của Phật chỉ lược nêu ra là để giúp cho mọi người biết ân đức của Phật rất sâu nặng.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng:

Thương xót chưa hẳn đã che chở, chưa hẳn đã thực hiện bình đẳng. Nay dùng từ “Trở về nương tựa” là để giải thích rõ sự thương xót, dùng hình ảnh ngôi nhà để giải thích sự che chở, dùng hình ảnh Tôn giả La-hầu-la để nói lên sự bình đẳng.

Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Trong âm thanh có năm trường hợp:

1. Gọi chung là Từ bi, tức là tính chất thương xót, che chở, giữ gìn.
2. Gọi là diệu dụng của lòng từ, tức là xem chúng sinh như La-hầu-la.
3. Gọi là diệu dụng của tâm Bi, tức làm chỗ cho chúng sinh trở về nương tựa.
4. Nhấn mạnh về lìa bỏ hóa thân, tức là nay sắp nhập Niết-bàn.
5. Thúc giục khiến tới để hỏi, nghĩa hỏi lần sau cùng.

“Tất cả chúng sinh nếu có điều gì nghi ngờ nay hãy thưa hỏi, cũng là thưa hỏi lần cuối cùng”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Chúng sinh nhằm chán khổ, khổ từ mê lầm dấy khởi, nên dứt khổ là phải dứt trừ mê lầm. Mê lầm có nhẹ và nặng, nặng thì gọi là kiến chấp, nhẹ thì gọi là nghi. Nghi còn phải dứt trừ, huống chi là kiến chấp.

Dứt trừ nghi thì đã dốc lòng tin Phật, chẳng lẽ không nêu câu hỏi?

Pháp sư Tăng Tông nói:

Trước đây chỉ nói về vô thường, ở đây nói về lý thường, giác pháp trái với ngày trước. Việc ấy nên nghi ngờ, tuy nói là không nói về mục đích, nhưng ý thì đã ở ngay đây.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Đó chính là Đức Như lai, cho đến giáo pháp được giảng nói sau rất rất quan trọng nên mới khuyến khích việc thưa hỏi.

“Bấy giờ, Đức Thế tôn vào lúc sáng sớm”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Ở trên nói về ngày tháng, còn ở đây nói về thời gian.

“Từ nơi mắt, mũi, miệng phát ra nhiều lớp ánh sáng” cho đến

“Khắp cả mười phương cũng giống như vậy”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Âm thanh vang đến tận tầng trời Hữu Đỉnh, là nói tiếng gọi ấy được nghe từ chốn cao; Ánh sáng chiếu khắp mười phương, là nói ánh sáng đó được nhận thấy từ bốn phương xa. Hai văn bày lẫn nhau, việc ấy nói lên việc khác lạ chưa từng có.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Miệng phát ra ánh sáng như thế là để nói về hình tướng của pháp hết mực sâu mầu sẽ được giảng nói.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Đó là hình tướng thứ hai, ở trên dùng âm thanh làm phát sinh sự thông hiểu. Còn đây thì nhờ ánh sáng mà có sự giác ngộ. Cửa lấy sự qua lại thông thương làm nghĩa nên dùng miệng làm khuôn mặt.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Về nhiều lớp ánh sáng gồm nhiều màu sắc, các Kinh trước đây cũng có hiện tượng ấy. Chỉ trong Kinh mới xuất hiện hiện tượng đó, biểu thị cho uy quang của Đức Phật, nên nói là vô số lớp.

Pháp sư Trí Tú nói:

Tuy nghe âm thanh, nhưng chưa lường được nơi chốn, vì cho nên phát ra ánh sáng để nói về khiến muôn loài được biết.

“Trong ấy, tất cả chúng sinh sáu cõi” cho đến “Thân thể run sợ, khóc lóc nghẹn ngào”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Vừa bảo cho biết, còn ở đây là để dứt trừ tội chướng.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Tội là nói về quả, phiền não cấu nhiễm là nói về nhân.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Ở đây là nói về việc dứt trừ tội lỗi. Dựa vào sự chế ngự, điều phục mà dứt trừ. Đó là nhìn thấy ánh sáng, tâm duyên vào cảnh tốt đẹp nên ba độc không thể cùng dấy lên, mà chỉ sinh tâm thanh tịnh thôi, nên gọi là tội được dứt trừ.

“Lúc này khắp mặt đất, núi non sông biển tất cả đều rung chuyển”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Tội chướng cấu uế đã được dứt trừ, thì tối lượt tình cảm luyến tiếc kính mến bộc phát. Sự buồn thương làm tâm mê loạn, do đó phải mau chóng nhóm hợp đúng chỗ, cho nên dùng thần lực khiến cho mặt đất rung chuyển, nhằm ngăn dứt, hạn chế tình cảm buồn thương kia.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Không có tình vẫn còn động, hướng chi là “Có tình” mà chẳng động hay sao? Do cảm ứng đến đúng lúc với mọi người, khiến họ mau chóng nhóm họp.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Đó là hình tướng thứ ba. Đức cao tột của Như lai khác nào mặt đất, đem lại sự an định cho muôn loài. Nay lìa bỏ thân ứng hóa trở về bản thể chân thật, nói về như thế để giúp cho chúng sinh giác ngộ.

Pháp sư Trí Tú nói:

Thấy mặt đất rung chuyển rồi, thì sẽ sinh ra ba y nghĩ:

1. Khuyến nhau hãy nên tự kiềm chế.
2. Hiện tại phải mau đến nơi ấy.
3. Nếu sau này còn có điều gì nghi ngờ thì cũng không còn cơ hội thưa hỏi.

Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Ở phần này có hai thứ dẫn dắt, đây là loại dẫn dắt thứ nhất nói về tướng mặt đất rung chuyển.

“Các chúng sinh nói với nhau” cho đến “Hoặc dưới một kiếp, cùng nắm tay nhau”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Thấy ba hiện tượng ấy, ai chẳng buồn bã, thương cảm. Lại bảo cho nhau biết, nên dự định việc thưa hỏi.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Giải thích cũ cho rằng: “Nếu chúng sinh có tuổi thọ một kiếp thì sẽ cầu xin thêm tuổi thọ được một kiếp. Nếu tuổi thọ là nửa kiếp thì cầu xin thêm tuổi thọ nửa kiếp. “Ý tôi thì chẳng cho là không đúng, mà chỉ theo tục lệ thế gian thôi”.

Tình cảm của mọi người lúc ấy đều mong Phật trụ lại cõi đời. Nên tất cả điều mong muốn ấy chỉ nguyện được tăng thêm nửa kiếp. Vì ít thì mới bày tỏ ra lời, còn nhiều thì sợ mong khó được.

Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Trong phần này, loại dẫn dắt thứ hai gồm có hai ý: thứ nhất, trước là khuyến khích bảo cho nhau biết.

“Lại nói lời này: Thế gian hầu như trống rỗng, vắng lặng” cho đến “Đức Như lai chẳng còn bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Đạo pháp của Như lai trùm cả Đại thiên, đức độ cùng khắp ba cõi, nay nhập Niết-bàn thì cả thế giới hầu như hoang vắng. Phước hết:

Phước là từ bậc Thánh giác ngộ thể hiện, bậc Thánh không còn ứng hiện nên biết là hết. Điều bất thiện thêm lớn. Phước đã hết nên những điều xấu ác do đó mà tăng thêm.

“Rồi lại nói: Thế gian trống rỗng” cho đến “nếu có điều nghi ngờ lầm lạc thì biết hỏi ai”:

Xét: Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Không ai cứu giúp che chở: Ở đây là nói lên nghĩa mâu của âm thanh đã nói ở trước, mà bảo cho biết. “Cứu giúp”: Trước đã nêu lên câu “Lòng từ rộng lớn thường thương xót muôn loài”. “Hộ trì”: Trước đã nêu ra câu “Tâm Bi bao la thường che chở giúp đỡ”. “Nghèo cùng”: Trước đã nêu lên việc “Cùng xem chúng sinh như La-hầu-la”, là diệu dụng của lòng từ rộng lớn. Nghĩa là Tôn giả La-hầu-la đã có được tài sản là chánh pháp, còn chúng ta thì hiện chưa có được, thế mà Phật đã lìa bỏ chúng ta, nghèo cùng là vậy.

“Không có chỗ kính ngưỡng phụng thờ”: Tức là trước đã nói làm chỗ cho chúng sinh trở về nương tựa.

Côi cút bơ vơ: Trước đã nói việc “Là ngôi nhà của thế gian” tức diệu dụng của tâm đại bi.

“Một sớm xa lìa”: Tức ở trước đã nói việc “Bậc Đại Giác Thế tôn sắp nhập Niết-bàn”.

“Nếu có điều gì nghi ngờ, lầm lạc”: Trước đã nói việc “Nay đều nên thưa hỏi”. Do đó, phải nên dẹp bỏ những tình cảm buồn thương, mau chóng tới chỗ ấy.

“Khi đó, có vô lượng các vị đệ tử lớn” cho đến “Sinh ra rất nhiều thứ khổ não như vậy”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Ba điềm lành ở trên nhóm họp các nhân duyên. Còn dưới đây là nói về thời gian nhóm họp, thứ lớp trước sau.

“Đại đệ tử”: Chỉ cho các đệ tử thường ở cạnh Phật, nên không nói là từ đâu tới.

Pháp sư Đại Tuệ ghi rằng:

Tức là ở trước nói “Tám mươi ức trăm ngàn vị”. Đã không chờ do âm thanh, ánh sáng mời gọi, nhưng được kể ra như thế là để nói lên việc gặp ánh sáng mà buồn bã sầu não.

Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Ở đây nói về sự khổ não của ba nghiệp: Đó là thân run rẩy, tâm bị xáo trộn nên phát ra tiếng rên than.

“Bấy giờ lại có tám mươi trăm ngàn các vị Tỳ-kheo”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Dưới đây nêu ra các vị từ xa đến. Đến thì không cần trước sau. Lời văn không thể gây phiền lụy, được chia làm ba hạng:

1. Số đông ở sau.
2. Số đông cúng dường cao quý.
3. Chỉ lấy số cúng dường cao quý.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Kinh này, nêu ra thời gian và chúng hội so với các Kinh khác chẳng cần về chuyện giống nhau vì các Thanh văn đức còn hạn hẹp, chẳng thể du hóa rộng khắp, phần nhiều thường hầu hạ bên cạnh hay gần gũi Đức Thế tôn, do đó mà được kể ra trước.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Ở đây kể ra số lượng các vị vào ngày mười lăm, đã vâng theo ánh sáng mời gọi mà đến.

“Tỳ-kheo”: Là nêu ra tính chất ngôi thứ. Gọi “La-hán” là để khen ngợi đức độ.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng:

Xếp vào số đông có chia ra làm năm:

1. “Tám mươi ức trăm ngàn”: Chỉ cho các quyền thuộc bên trong.
2. “Lúc ấy, có vô lượng các vị Đại đệ tử”: Chỉ cho các quyền thuộc bên ngoài.
3. Từ “Ưu-bà-tắc” v.v... trở xuống, tùy theo số đông nhiều nhất cúng dường cao quý được nêu ra sau.
4. Từ “(chim cánh vàng)” cho đến “Vua núi”: Chỉ lấy số đông để sau.
5. Từ “A-tăng-kỳ các vị Thần” cho đến hết đoạn “Vô biên thân”: Chỉ lấy việc cúng dường làm việc sau.

Lại bàn thêm:

Trước sau, đều chẳng phải chuyện bận tâm. Chỉ có ý nghĩa lần lượt hiện ra thì có trước sau. Nhưng nếu đã nêu ra có trước sau thì không ngoài bốn thứ:

1. Dùng ngôi vị làm thứ bậc trước sau.
2. Dùng số lượng làm thứ bậc trước sau.
3. Dùng sự cung cấp làm thứ bậc trước sau.
4. Không dùng ngôi vị, số lượng, sự cung cấp, chỉ lấy số người đến vào lúc ấy, tức việc nêu ra trong đây.

Pháp sư Trí Tú nói:

Dưới đây cho đến đoạn “Khu rừng biến thành màu trắng” đều là chỗ mời gọi của ánh sáng và mặt đất rung chuyển. Nhưng nêu ra các điều ở phần mở đầu thì khác nhau. Nhiều thì đến năm điều, ít thì chỉ có hai. Nói có năm điều là:

1. Nêu số lượng.
2. Đặt để ngôi vị.
3. Khen đức.
4. Nêu tên.
5. Nêu lên hình tướng tới nhóm họp.

Nói có hai, là:

1. Nêu số lượng.
2. Nêu tên gọi.

Lại nêu ra về thứ lớp, về phẩm khác nhau có ba:

1. Từ đó cho đến “Được diệu lực tự tại có khả năng hóa thành Phật”.

2. và 3. Nêu hai chúng xuất gia. Nhờ đạo, nên ít nhiều được gần gũi Phật, nên được nêu trước.

Pháp sư Minh Tuấn xét: Ở đây đã nêu sáu việc:

1. Nêu số lượng.
2. Xưng ngôi vị.
3. Khen ngợi đức phương tiện.
4. Nói về sự lo buồn.
5. Khen đức chân thật.
6. Nói về việc đang tới.

“Đều là La-hán”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

“A-la-hán” Hán dịch là Bất sinh. Sinh là gốc khổ. Mê lầm (hoặc) là nhân của sinh. La-hán đã dứt trừ các hoặc (phiền não) trong ba cõi, quả khổ chẳng còn sinh ra nữa, nên gọi là Bất sinh.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Tên gọi ấy chứa đựng ba nghĩa:

1. Sát tặc: Tức chỉ cho việc dứt trừ các phiền não.
2. Bất sinh: Chỉ chung cho việc không còn sinh trong ba cõi.
3. Ứng cúng: Là do có đủ ba đức nêu có khả năng làm ruộng phước cho chúng sinh.

“Tâm được tự tại”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Tâm là gốc khổ, vui. Chúng sinh chán khổ, không lìa bỏ nhân khổ

là chỗ mê lầm của phiền não nên chẳng được tự tại. Nay, vị La-hán không còn nhân khổ, cho nên mà được tự tại.

“Việc phải làm đã làm xong”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Nhân khổ đã hết sạch nên sự gấn bó, ràng buộc cũng dứt.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Nghĩa là đạt được trí tận, rốt ráo là trí vô sinh. Trí được chứa đựng trong ý nghĩa ấy làm rõ ý nghĩa chữ “Ứng Cúng”.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Hai câu ấy đều giải thích nghĩa Bất sinh. Sở dĩ được “Bất sinh” là do đã dứt sạch các thứ phiền não trói buộc (sử) trong ba cõi, nên đạo lực được thể hiện trọn vẹn.

“Lìa các phiền não”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đây là để giải thích rõ về nghĩa “Đã làm xong” ở trên.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Đây là giải thích ý “Do đó mà bất sinh”.

Pháp sư Đạo Tuệ nói:

Đây là giải thích về ý “Vì sao tâm được tự tại”. Tâm được tự tại là vì sự tạo tác đã bị cắt đứt.

“Điều phục các căn”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Là để giải thích được tự tại.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Mê lầm là do các căn. Các căn đã được điều phục, do đó mà mê lầm (hoặc) được dứt hết.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Hai câu này là giải thích nghĩa “Giết giặc phiền não”. Các thứ giặc phiền não sở dĩ được dứt sạch là do sáu (căn) được nhiếp phục, tức là chế ngự được ba nghiệp.

“Như vua rồng lớn”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Là dụ cho ba minh, sáu thông. Rồng có hai tính chất:

1. Có khả năng làm chuyển mây, tuôn mưa.

2. Biến mất, hiện ra một cách tự tại.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Ở đây nói về ý nghĩa đã được lợi ích là nói về ứng cúng.

Pháp sư Đạo Tuệ nói:

Vua rồng là voi đầu đàn trong loài người. Như Kinh Đại Phẩm (Bát-nhã) chép: “Như điều phục voi đầu đàn”. Lấy việc khéo điều phục làm ví dụ để nói về phiền não, sở dĩ lìa được là nhờ khéo điều phục các căn.

“Có uy đức lớn”:

Xét: Pháp sư Đạo Tuệ nói:

Ở đây nhằm khen ngợi đức bên ngoài, tỏa sáng khắp nơi, là chỗ quan trọng để mọi người quy phục.

“Thành tựu tuệ không”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đây là để giải thích phiền não. Nếu chẳng đạt được “Tuệ Không” thì chẳng dứt bỏ được phiền não.

“Đã đạt được tự lợi”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Kết sử được dứt trừ, không còn dấy khởi, điều gọi là lợi lạc có thể giữ gìn được.

Pháp sư Đạo Tuệ nói:

Đây là để giải thích do đâu có được uy đức lớn lao. “Tuệ Không” là nói lên trí tuệ ấy đã tròn đầy. Đạt được tự lợi là nói các kiết sử kia đã dứt sạch.

“Như rừng Chiên-đàn có các cây chiên-đàn vây quanh, như sư tử đầu đàn có các sư tử vây quanh”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

“Sư tử đầu đàn”: Tức tuệ Không đã được thành tựu. Giới, định đều là tuệ Không vô lậu. Như vị vua xem các đức khác của mình như con.

Pháp sư Đạo Tuệ nói:

Ở đây không lấy “Vua” làm ví dụ mà là khen ngợi chung các công đức lại cùng nhau vây quanh.

“Thành tựu vô lượng công đức như vậy, tất cả đều là đệ tử chân chánh của Phật”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Từ pháp Hoa về sau đều được gọi là Bồ-tát. Nếu trước đó thì chẳng được gọi như thế,

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Tên gọi chân giả trong giáo pháp có ba trường hợp:

1. Cho Thánh là chân, cho phàm là giả.
2. Cho Nhị thừa là giả, Bồ-tát là chân.
3. Cho tin thường là chân, tin điều chưa lập là giả.



Hiện nay nên dùng lớp thứ ba để nhận xét, nói lên những người ấy đã hiểu rõ trọn vẹn từng cặp về sáu hạnh.

“Đều vào lúc sáng sớm khi mặt trời mới mọc” cho đến “Khóc lóc mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Hoa Ba-la-xa, là loại cây xanh, hoa trắng, một ngày ba lần đổi màu: Mặt trời chưa mọc thì hoa màu trắng. Mặt trời mới mọc thì hoa màu đỏ. Mặt trời về chiều thì hoa màu vàng.

Pháp sư Đạo Tuệ nói:

Hoa ấy chất màu xanh, các đường gân màu đỏ.

“Vì muốn đem lại lợi ích an vui cho chúng sinh”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Năm câu dưới là khen ngợi riêng, còn một câu này là khen ngợi chung.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Ở đây đều nhằm tìm đức chân thật để khen ngợi. Phần thứ nhất này nói do lợi ích nên đi tới, nghĩa là những người đó có duyên với đạo, nếu khiến ngàn người làm duyên thì thiếu một người cũng không được.

“Thành tựu hạnh Không bậc nhất của Đại thừa”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Các vị La-hán biết Phật là thường, nay muốn thỉnh Phật nêu ra và nói về giáo pháp thường. Bậc nhất của Kinh này là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh không còn sự ràng buộc của hai mươi lăm cõi nên gọi là không.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Bát-nhã đứng đầu muôn hạnh, để khiến cho chúng sinh có được sự thấu hiểu về vô tướng.

“Nói về phương tiện đối với giáo pháp bí mật của Như lai”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Ngày trước nói về vô thường, nay lại nói về Thường, tức là giáo pháp sâu mầu.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Nêu ba thừa là phương tiện, nhất thừa là chỗ hành hóa chân thật, thân tướng Phật là hữu vi, pháp thân là vô vi.

“Muốn làm nhân duyên, để điều phục chúng sinh” cho đến “Chấp tay cung kính lui lại ngồi sang một bên”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Nghĩa là giảng về vô thường thì hiểu rõ về vô thường, nghe giảng

về thường trụ thì cũng lãnh hội. Đã tự mình thông đạt, lại nói cho người nghe.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Tức là dứt trừ sự chấp đối với bốn điên đảo của chúng sinh. Nói theo đây thì nên biết trong giáo pháp của Kinh Pháp Hoa là để đối trị những người không đắc đạo.

“Bấy giờ, lại có cô gái tên Câu-đà-la” cho đến “Chấp tay cung kính lui ra ngồi sang một bên”:

Xét Pháp sư Tăng Tông nói:

“Ni” ở đây là nữ. Chỗ thông lệ của khoa nêu ra là như nhau với ở trên.

Pháp sư Minh Tuấn nói: Ở đây nêu chín việc.

1. Nêu dòng họ.
2. Nêu địa vị.
3. Nêu tên.
4. Nêu số lượng.
5. Khen đức phương tiện.
6. Nói về sự lo buồn.
7. Khen đức chân thật.
8. Nêu việc đang tới
9. Nêu Lược các pháp tối tôn tối thắng.

Nên gọi là bước lên giai vị Thập địa.

“Trong chúng Tỳ-kheo-ni, lại có các vị Tỳ-kheo-ni” cho đến “Đạt được diệu lực tự tại có khả năng hóa thành Phật”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Hai chúng xuất gia, quyền thật khó biết. Nay lược nêu cho rằng trong ni chúng có Bồ-tát. Suy ra trong chúng Tỳ-kheo cũng phải như thế.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Chỗ hướng tới nhằm nêu ra sự thấu đạt đích thực về sáu hạnh, trở thành ý nghĩa của người đệ tử Phật chân chánh. Sự nhấn mạnh về một phía, ở đây là để nói về ni chúng cũng có gốc là Bồ-tát Bát địa trở lên.

Pháp sư Tuệ Lăng nói:

Trong đoạn này là khen đức phương tiện. Phần đầu cho rằng các lậu đã được nhận rõ, tức là nêu chung toàn câu.

Pháp sư Minh Tuấn nói:

Đoạn trước khen ngợi trong chúng Tỳ-kheo, kết luận sau cùng cho là đã đạt được lợi lạc cho mình, ở đây việc khen ngợi ban đầu là các lậu

đã dứt sạch. Hai việc ấy cùng có quan hệ với nhau, nói chung là sự khác nhau do việc diễn ra từ Kinh rồi y theo đó mà tồn tại.

“Bấy giờ, lại có một Hằng hà sa” cho đến “Đại Bồ-tát đều là bậc Thượng thủ”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Trên đã nêu ra hai chúng Thanh văn, ở đây thì nêu các Bồ-tát, mà không nói tới sắp bày cúng dường nên đều là bậc xuất gia cả.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Sự nhấn mạnh về một phía ở đây là chỉ cho trong chúng Tỳ-kheo ở trước, có những vị theo phương tiện mà hiện thân Thanh văn.

Pháp sư Trí Tú nói:

Trong hai chúng Thanh văn hưởng tới đều là Phật tử chân thật, đã biết đều là Bồ-tát. Nay lại nêu riêng như thế đều là nói theo sự hành hóa. Trước đã nêu sự hành hóa của các Thanh văn, có liên quan tới ý nghĩa gần gũi, hầu hạ nên ở trước đã nêu. Chỗ hành hóa của Bồ-tát rộng lớn, dấu vết ấy có ý nghĩa bao gồm nên được nêu ra sau. Sư Tuệ Linh đất Bành Thành cho rằng:

Đây là những người đã lìa xa cuộc sống gia đình, nhưng chẳng phải Tỳ-kheo.

Pháp sư Minh Tuấn nói: Trong đoạn này có nêu bảy việc:

1. Nêu số.
2. Lược khen đức vị và phương tiện.
3. Nêu tên gọi.
4. Khen ngợi về sự hành hóa trong ba đời.
5. Bày tỏ sự lo buồn.
6. Khen ngợi đức chân thật.
7. Bày tỏ việc đang tới.

Bồ-tát, La-hán, đều không phân biệt thứ bậc. Số lượng bốn chúng bất luận tại gia, xuất gia. Cho nên trong một Hằng hà sa này, trong khoảng gồm hai phần chính chỉ ra các vị Bồ-tát là để làm rõ sự khác nhau của hai bên kia đây. Thời Pháp hoa không có Thanh văn, huống chi trong hội này, lẽ nào chỉ có Bồ-tát hay sao? Mà ni chúng lược nêu các vị ở bậc Thập trụ, nói chung là để nói về tính chất cao quý của họ, do vậy được gọi là rồng trong loài người.

“Tâm các vị đều quý trọng Đại thừa” cho đến “Những người chưa được hóa độ sẽ khiến cho được hóa độ”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Bồ-tát lấy việc cứu độ muôn vật làm hoài bão của mình. Pháp Đại

thừa là thứ thuốc hay nên phải làm rõ trước tiên. Thuận theo tất cả là khi dùng pháp để cứu giúp muôn loài, điều quan trọng là phải tạo sự thuận hợp như nhau giữa phần nhỏ hợp với sự vật bên ngoài, đức nhân phải rộng lớn trùm khắp. Sự thuận theo có bốn thứ:

1. Hình loại.
2. Ngôn ngữ.
3. Căn tánh.
4. Sự nghiệp.

Lập lời thề rằng: Tức là đã đi vào trong năm đường thì cùng chịu khổ vui với cảnh giới ấy, khó thì tâm dễ lui sụt. Vui thì sinh tham đắm. Tự biết đó chẳng phải thệ nguyện rộng lớn, không lý do gì mà không lia bỏ hai đường kia.

Pháp sư Tăng Tông nói: Đây là sự khen ngợi về đức ở hiện tại.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Bồ-tát chỉ cho người có đạo tâm, khen ngợi đức không ngoài việc hành hóa của mình và sự giáo hóa bên ngoài, trong ấy thường dựa vào ba đời để khen ngợi. Ở trong một đời cũng gồm đủ hai nghĩa vừa nêu.

“Đã trong vô số kiếp về quá khứ” cho đến “Nối tiếp sự tồn tại của Tam bảo chẳng để đứt mất”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Để thực hiện đầy đủ đức trên, nếu chẳng làm việc chứa nhóm thì không thể thành tựu. Giảng nói cho người chưa hiểu: Ở trước nói thệ nguyện, nay nói về thực hành.

Pháp sư Tăng Tông nói:

Hương tới để nói về sự hành hóa trong hiện tại, còn nay là nói về sự hành hóa trong quá khứ.

“Ở đời vị lai sẽ xoay bánh xe pháp dùng các pháp trang nghiêm lớn để tự trang nghiêm.

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: Kế là khen ngợi đức ở đời vị lai.

“Thành tựu được công đức vô lượng như thế” cho đến “Chấp tay cung kính lui lại ngời sáng một bên”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: Ý nghĩa giống như ở trước.

“Bấy giờ, lại có hai Hằng hà sa” cho đến “Bình đẳng không hai, xem như con một”:

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói:

Đây là các Bồ-tát tại gia. “Ưu-bà-tắc”: gọi là Thanh tín sĩ. Luận văn đã có giải thích. Đó là đời trước đã làm điều lành, đều dùng ý nghĩa để chuyển lại tên gọi ấy. Ở đây, việc nêu ra số lượng có bốn bậc:

1. Từ số ấy (hai) đến mười Hằng hà sa, dùng số đông dần thêm nhiều mà cung cấp một ít số lượng tối đa làm thứ lớp.

2. Từ hai mươi Hằng sa, tới chín mươi Hằng sa: Cung cấp số lượng không cần là tối đa, chỉ lấy số đông dần thêm nhiều làm thứ lớp.

3. Từ một ngàn Hằng sa, dùng nhiều ít số lượng bất định cho tới lẫn lộn làm thứ lớp.

4. Sự kiện rừng biến đổi v.v... trở xuống, số đông không cần là nhiều, chỉ lấy sự cung cấp nhiều nhất làm thứ lớp.

Pháp sư Minh Tuấn nói: Trong đoạn này nêu ra mười lăm việc:

1. Nêu số lượng.

2. Khen ngợi giai vị.

3. Lấy giới làm gốc cho sự hành hóa nên trước là khen ngợi về giới.

4. Nêu tên gọi.

5. Kế là khen ngợi định, nghĩa là quán kỹ pháp môn đối trị.

6. Khen ngợi tuệ, nghĩa là cũng ưa thích được lãnh hội các pháp Đại thừa vô thượng.

7. Nêu bốn thệ nguyện lớn, khen ngợi sự hóa độ bên ngoài.

8. Nêu lên giới thanh tịnh trang nghiêm, kết thúc việc khen ngợi.

9. Nêu bày việc gặp phải ánh sáng sinh ra lo buồn.

10. Nói về việc sắp bày sự cúng dường.

11. Nói nhân để sắp bày việc cúng dường, lại phát thệ nguyện rộng lớn.

12. Nêu việc Phật thọ nhận cúng dường xong sẽ nhập Niết-bàn.

13. Nói việc đi tới chỗ Phật bày tỏ sự cung kính.

14. Nói việc Đức Phật im lặng không nhận.

15. Kế là nói về sở nguyện không đạt nên buồn bã, sầu não.

“Cũng vào lúc sáng sớm mặt trời vừa mọc” cho đến “áo kiêu-xa-da, áo dệt bằng sợi gai, vải vóc lụa là”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Thiên Mộc Hương là loại thực vật nổi tiếng, có giá trị thời bấy giờ. Người xuất gia thì pháp thí, người tại gia thì tài thí. Việc bố thí có chín thứ. Tài thí gồm có ba, đó là:

1. Vật đúng thời.

2. Vật có giá trị.

3. Vật đúng với giáo pháp.

Tâm thực hành bố thí cũng có ba, gồm:

1. Trước khi bố thí, tâm vui vẻ.

2. Lúc bố thí tâm thanh tịnh.
3. Bố thí rồi, tâm không hối hận.

Về Địa cũng có ba là:

1. Bất động.
2. Vô tướng.
3. Vô lượng định.

Nay chỉ nói về sáu Phật địa, khỏi nói từng chi tiết.

“Do thần lực Phật”: Tức là do uy lực của Phật khiến cho các vật ấy trở thành vật quý hiếm, khiến tâm người chủ bố thí được vui vẻ. Cho đến bao gồm khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới, đều giống như tâm trạng ấy. Hoa Ưu-bát-la màu xanh, hoa Câu-vật-đầu màu đỏ, còn hoa Ba-đầu-ma thì màu sắc không nhất định, giống như hoa Xương bồ; hoa Phân-đà-lợi màu trắng, sống trong nước. Mạn-đà-la là thứ hoa rất quý, ở Trung quốc cũng có, màu sắc không nhất định, như đỏ mà pha vàng, như xanh mà pha tím, như xanh lục mà ánh màu đỏ sẫm, nhiều màu nhiều sắc biến đổi như vậy. Cây Ba-lợi-chất-đa ở trên cõi trời Đao-lợi màu sắc cũng đủ loại, ở Ấn-độ cũng có, nhưng hoa, lá, sắc cây cùng màu xanh lục.

Kiều-xa-da: Tức loại áo được dệt bằng tơ của loài tằm. Phía đông Ấn-độ có tên là Ô-đà. Loại lúa canh vừa chín biến thành một thứ sâu, con sâu này liền ăn hạt gạo của lúa ấy, người ta bèn dùng tơ của loại sâu đó chế thành thứ bông mềm. Như thứ bông tơ ấy tên là Ma-ha Bạt-đa, ở đây gọi là áo choàng lớn, rất quý giá. Còn Sô-ma là áo dệt bằng vải. Ca-lăng-già là tên nước, cũng sản xuất nhiều thứ vải bông tơ mịn ấy.

“Các thứ gỗ hương ấy được chở trên xe báu” cho đến “Thương xót chúng con mà nhận lễ cúng dường cuối cùng này”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Điều suy nghĩ: Nếu ai có sự thiếu thốn gì: Ở đây nói về ba thứ tâm.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi:

Nước có tám tính chất tốt, tám tính chất tốt đó là:

1. Nhẹ nhàng.
2. Trong lặng.
3. Mềm mại.
4. Đẹp đẽ.
5. Trong sạch.
6. Không có mùi hôi.

7. Lúc uống vào dễ chịu, điều hòa.

8. Uống xong thì an vui.

“Đức Thế tôn biết thời nên im lặng chẳng nhận” cho đến “Lui lại ngồi sang một bên”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Biết rõ sự thọ nhận không thích hợp. Nếu thọ nhận sự cúng dường của người trước thì người đến sau chẳng được hiến cúng. Trước đây im lặng tức là thọ nhận, nay im lặng là chẳng nhận. Ngày trước thân thể an Khang, sự tiếp xúc với mùi vị nhận biết rõ, nếu nói thọ nhận thì chẳng khác nào là tham nên không nói. Nay đang bệnh, thể lực suy yếu, sự cần dùng tự biết, nên nói ra tức là nhận, không nói tức là không cần.

Pháp sư Pháp Dao nói:

Tuổi thơ sống trong cung vua, gọi thì có người hầu hạ đáp ứng ngay, đó là có dâng lên liền thọ nhận, đâu cần phát ra lời? Nay muốn thể hiện Pháp thân thường, lạc, khỏi phải ăn uống, im lặng không nói, theo lý mà biết đó là không nhận.

Pháp sư Bảo Lượng nói:

Biết rõ về hoàn cảnh thọ nhận có ba thứ:

1. Phật không nhận hai thí chủ cùng thỉnh.
2. Do trước đã nguyện nên nhận.
3. Biết Thuần-đà sẽ làm thí chủ, để sự lợi ích được mở rộng.

Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Biết rõ về hoàn cảnh thọ nhận có ba:

1. Biết lúc thọ nhận chưa đến.
2. Biết lúc ấy có nhiều trường hợp không có nguyện từ trước.
3. Biết ngay lúc đó nếu thọ nhận các thí chủ khác thì không thể mở rộng lợi ích.

“Bấy giờ, lại có ba Hằng hà sa” cho đến “Trăm ngàn chúng sinh nên hiện thân nữ”:

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói:

Đại chúng nghe, thấy hiện tướng Niết-bàn, đúng lý thì trong một lúc cùng nhóm họp đến, không cần trước sau. Vả lại, đã có trước sau thì cũng biết đều như chỗ nêu ra trong Kinh.

Pháp sư Tuệ Lãng nói:

Các việc như nêu số lượng, nêu ra tên họ, khen ngợi công đức, so với trước có thể biết.

“Thường chê trách gia pháp”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Nơi chốn tạo sự lưu luyến, tham đắm gọi là nhà, tức là đối với thân nữ.

“Tự xem thân mình như bốn rắn độc” cho đến “Thân này đáng

ghét, giống như xác chó chết”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là sự quán khổ.

“Thân này chẳng sạch, chín lỗ trên người thường rỉ chảy”: Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là quán bất tịnh.

“Thân này như thành trì, máu thịt gân xương” cho đến “Quý la-sát ngu si cư ngụ trong ấy”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói:

Đây là quán Không. Sắc ấm thì như ngôi thành, bốn ấm như người, các nhận thức không sai lầm ví như vua, còn các phiền não, lỗi lầm ví như dân chúng.

“Thân này không bền chắc, giống như lau sậy, cây y lan, như bọt nước, như cây chuối:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là quán vô ngã.

“Thân này vô thường, niệm niệm không dừng trụ” cho đến “Ai là người trí mà lại ưa thích thân này”:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: Đây là quán vô thường.

“Nên đem hết nước biển lớn đựng đầy trong dấu chân bò” cho đến “Vì thế phải mau lìa bỏ như vứt bỏ đờm dãi”:

Xét: Pháp sư Tuệ Lãng nói: Kết thúc về các quán trên.

“Do nhân duyên ấy các vị Ưu-bà-di” cho đến “Trong lòng buồn bã, lui lại đứng sang một bên”:





